TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 59/2020/QĐST-HNGĐ	*Bắc Giang, ngày 10 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 và Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 74/2020/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Trần Hải N, sinh năm 1991
2. Chị Phạm Thị V, sinh năm 1991

Cùng ĐKHKTT: Số 15, ngõ 13, đường B, tổ dân phố H, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Trần Hải N và chị Phạm Thị V được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố B ngày 17/01/2014. Tại thời điểm kết hôn anh chị đủ điều kiện kết hôn, không vi phạm các điều cấm kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nay anh N và chị V đều xác định tình cảm không còn, không đồng ý đoàn tụ và thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Trần Hải N và chị Phạm Thị V thỏa thuận anh N trực tiếp nuôi cháu Trần Phạm Hải Đ, sinh ngày 22/06/2014, chị V trực tiếp nuôi cháu Trần Phạm Hải A, sinh ngày 30/11/2016, anh N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu A cho chị V với mức cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng kể từ sau khi ly hôn đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Anh N, chị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.Vì lợi ích của người con nên Toà án có thể thay đổi

người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh N, chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh N, chị V đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật nên mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xét thấy sự thỏa thuận trên của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Trần Hải N và chị Phạm Thị V thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Anh Trần Hải N trực tiếp nuôi cháu Trần Phạm Hải Đ, sinh ngày 22/06/2014, chị Phạm Thị V trực tiếp nuôi cháu Trần Phạm Hải A, sinh ngày 30/11/2016, anh N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị V với mức cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng kể từ tháng 3 năm 2020 đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Anh N, chị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Hải N và chị Phạm Thị V mỗi người chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí Tòa án nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng anh N, chị V đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000858 ngày 17/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi Cục THADS TP B;
- VKSNDTP B;
- UBND xã Đ, tp. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hương Giang